

Bản án số: 37/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 17/04/2026
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Thuận

2. Bà Trần Thị Dần

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7
- Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Thanh Hóa tham gia phiên
tòa:** Bà Dương Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2026 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn H; Sinh năm: 1988

Địa chỉ: Thôn P, xã V, tỉnh Thanh Hóa.

Số CCCD: 038088001372

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị P; Sinh năm: 1988

Địa chỉ: Thôn P, xã V, tỉnh Thanh Hóa.

Số CCCD: 038188033625

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn” đề ngày 08/12/2025, anh Phạm Văn H và chị Trần Thị P trình bày:

Về hôn nhân: Anh H và chị P kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Ng, tỉnh Thanh Hóa) ngày 11/7/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ. Thêm vào đó, chồng thường đi sớm, về khuya, không quan tâm gì đến gia đình, vợ con nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng tình trạng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không cải thiện được. Thời gian kéo

dài khiến cả hai đều cảm thấy mệt mỏi, chán nản. Nay cả hai xác định tình cảm không còn, không thể chung sống được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Minh K, sinh ngày 12/10/2018 và Phạm Minh Kh, sinh ngày 02/6/2024. Ly hôn, hai bên thỏa thuận giao cả 02 con cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ph mỗi tháng cho mỗi cháu số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh H và chị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trước khi thụ lý theo thủ tục tố tụng dân sự, anh H và chị Ph đã lựa chọn hòa giải theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Tuy nhiên, quá trình hòa giải do Hòa giải viên tiến hành, chị Ph không có mặt nên Hòa giải viên đã lập biên bản chấm dứt hòa giải và đã chuyển toàn bộ hồ sơ cho Tòa án để giải quyết theo Bộ luật tố tụng dân sự quy định tại Điều 40, 41 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

Anh H đã có đơn đề nghị chuyển sang ly hôn đơn phương, do đó Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Ph. Trong khi đó, chị Ph mong muốn vợ chồng được đoàn tụ, chị không đồng ý ly hôn với anh H. Về con chung, anh H đồng ý giao con cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con như trong đơn yêu cầu mà anh và chị Ph đã nộp cho Tòa án.

Sau khi Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị Ph nộp cho Tòa án bản tự khai bổ sung, chị xác định không thể níu kéo được nữa nên chị cũng đồng ý ly hôn với anh H. Về con chung, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng cho mỗi cháu số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình. Về hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn H và chị Trần Thị Ph được ly hôn; Về con chung: Giao cháu Phạm Minh K, sinh ngày 12/10/2018 và Phạm Minh Kh, sinh ngày 02/6/2024 cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ph mỗi tháng cho mỗi cháu số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Sau khi nhận đơn yêu cầu về việc “Thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”, Tòa án đã thông báo về quyền lựa chọn hòa giải và lựa chọn hòa giải viên cho anh H và chị Ph theo khoản 3 Điều 16 Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Anh H và chị Ph đã có văn bản đồng ý về việc lựa chọn hòa giải theo Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án nên Tòa án đã chuyển vụ việc sang Hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2]. Tại phiên hòa giải do Hòa giải viên tiến hành. Do chị Ph vắng mặt nên Hòa giải viên đã lập biên bản kết thúc việc hòa giải và chuyển hồ sơ vụ việc sang Tòa án để giải quyết theo thủ tục Tố tụng dân sự được quy định tại Điều 40, Điều 41 Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[3]. Do trong vụ án có con chưa thành niên nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[4]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các bên đương sự, nhưng chị Ph vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp vắng mặt chị Ph đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho chị Ph theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[5]. Anh H có đơn đề nghị không tiếp tục tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[6]. Tại phiên tòa, anh H và chị Ph vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh H và chị Ph.

[7]. Về hôn nhân: Anh H và chị Ph kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là xã Ng), tỉnh Thanh Hóa ngày 11/7/2018 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Nay cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó, nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh Phạm Văn H và chị Trần Thị Ph được ly hôn.

[8]. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung. Ly hôn, anh H và chị Ph đều yêu cầu được giao con cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ph mỗi tháng cho mỗi cháu 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Do đó, nên chấp nhận yêu cầu của anh H và chị Ph.

[9]. Về tài sản: Anh H và chị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[10]. Về án phí: Anh H phải sẽ chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn H.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn H và chị Trần Thị Ph được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Minh K, sinh ngày 12/10/2018 và Phạm Minh Kh, sinh ngày 02/6/2024 cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ph mỗi tháng cho mỗi cháu 3.000.000đ (Ba triệu đồng), hai cháu là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 4 năm 2026 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng khác.

Khoản tiền cấp dưỡng được thi hành ngay mặc dù bản có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Phạm Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 - Thanh Hóa theo biên lai số *BLTU/26E/0000451*, ngày 19/01/2026. Anh H còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt anh Phạm Văn H và chị Trần Thị Ph. Anh H và chị Ph có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7 - Thanh Hóa;
- UBND xã Ng;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc